

CATHOLIC DIOCESE OF NJOMBE
ST. JOSEPH'S SECONDARY SCHOOL

FORM ONE OPENING EXAMINATION JANUARY 2025

DIVISION PERFORMANCE SUMMARY

SEX	I	II	III	IV	0
MALE	1	0	2	76	34
TOTAL	1	0	2	76	34

CNO	STUDENT NAME	AVE	GPA	AGG	DIV	DETAILED SUBJECTS
001	ABEL ADRIANO MWENDA	82.40	1.4000	17	I	BUS - B, HST - B, GEO - x, KIS - A, ENG - A, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
002	SAMWEL ESAU MBENA	72.00	1.6667	25	III	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - A, MAT - C, BIB - x, HISTORY - A.
003	AHAZI MAJUTO KILIMBE	71.33	1.6667	25	III	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - B, MAT - A, BIB - x, HISTORY - B.
004	ACKBORI NICO MFUMBILWA	42.20	3.4000	27	IV	BUS - D, HST - D, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - C, MAT - F, BIB - x, HISTORY - A.
005	YUWEN YUWADI MWALONGO	69.50	2.5000	30	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - A, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
006	GODFREY EMMANUEL MAKONO	98.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
007	EMMANUEL BONFANS MBOYA	90.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
008	IBRAHIM NICODEM FUNGO	90.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
009	JOSHUA ELAMU MNG'ONG'O	90.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
010	PETER PETRO SANGA	90.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
011	DAMIAN SAMWEL KYANDO	88.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
012	EDWARD ALFRED FWALO	88.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
013	GODBLESS GODFREY KALUNGWANA	88.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
014	DAVIS FRANK MORRIS	85.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
015	PONSIAN KONRAD KOWA	85.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
016	EMMANUEL HUSSEIN CHAULA	80.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
017	OMEGA KANUTH MLWILO	80.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
018	PRINCE AYOUB MKINGA	80.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
019	ETHAN EDGAR CHOMBE	79.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
020	DAVID DANIEL MBUGI	78.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
021	GIDEON HARLODI TWEVE	77.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
022	ALBERT JOSEPHAT SANGA	76.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
023	JOSHUA JUSTIN RINGO	76.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
024	SOLOMON AHAZI MWENDA	75.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
025	WILLSON ANGELUS KAYOMBO	75.00	1.0000	31	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - A, BIB - x, HISTORY - x.
026	AGRAY GAFRED NZIKU	74.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
027	EVANCE YOHANA LULANDALA	74.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
028	FUBUSA MARSELINO FUBUSA	73.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
029	PROSPER FRANK MBWILO	73.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
030	ERNESTO IGNASI NZIKU	72.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.

031	KENNETH SUNDAY KOKO	72.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
032	CLEVER KENETH TWEVE	71.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
033	HUMPHREY PETER MHAPA	70.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
034	LAURENCE LAMECK KIULA	70.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
035	PROSPER ESAU KAMBOFI	70.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
036	OWEN WALTER KIBUGU	69.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
037	HANCE PAULO MWANYIKA	68.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
038	LICKY FADHILI MWANYILU	68.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
039	SIXBERTH EDSON MKISI	67.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
040	NASSIR MFAUME MASANGULA	66.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
041	IAN LAURIANO THADEI	65.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
042	JUMA RAMADHANI MITTU	65.00	2.0000	32	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - B, BIB - x, HISTORY - x.
043		65.00	2.0000	32	IV	////////
044	VASRY HOSEA MBONILE	64.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
045	BRIAN DANIEL HAULE	63.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
046		63.00	3.0000	33	IV	////////
047	ERICK PETRO SANGA	60.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
048	HENRICK MALAKI MALAMLA	60.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
049	JOSEPHPETER THERESPHORY KITUN	58.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
050	CHARLES MASANJA MIHAYO	57.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
051	DENIS METHODIUS KAYOMBO	56.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
052	JAYDEN GELASIUS LUGOME	55.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
053	GODBLESS DANNY HONGOLI	54.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
054	SAMWEL NEHEMIA MBILINYI	54.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
055		54.00	3.0000	33	IV	////////
056	GASPER EDGER MITTU	53.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
057	SAMWEL ISMAEL MLIMBILA	53.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
058	SHADRACK EDWIN MWAMPASHI	53.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
059		53.00	3.0000	33	IV	////////
060	ANORD JAMES BAYO	52.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
061	DENNIS DISTH KIBONA	52.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
062	FRANCIS NATANAEL MWAKALINGA	52.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
063	LYTONE ALOYCE KAPELELA	51.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
064	GODBLESS ISHARA GWABATI	50.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
065	GREYSON BRAYSON CHANAFI	50.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
066	HILDEBRAND PETER KILAMBO	50.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
067	NATHAN ABDALLAH MAKINDA	50.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
068	VITUS RUFNUS MLELWA	50.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.

069	EDWIN BETINEGO MWANGASA	49.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
070	SAMUEL ANDREW MTEMA	49.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
071	ISACK TUMAINI MASATU	48.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
072	JACKSON EVANCE NKONDORA	48.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
073		48.00	3.0000	33	IV	////////
074	JUNIOR SHABANI KALINGA	47.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
075	BRAITON DAUDI PUYE	46.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
076	ADAM RAYMOND LUPENZA	45.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
077	ALPHA BARNABAS AMLIMA	45.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
078	CLARENCE GILLIARD NYATO	45.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
079	ERICK NICHOLAUS KYANDO	45.00	3.0000	33	IV	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - C, BIB - x, HISTORY - x.
080	FRANSISKO BEATUS LUGENGE	43.00	4.0000	34	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
081	DAVID BECKHAM KIGADZI	42.00	4.0000	34	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
082	ULIMBUKA JACKSON MWANDUNGA	42.00	4.0000	34	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
083	WILLSON MARTHIN BUYOGERA	40.00	4.0000	34	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
084	DAVID BENITHO SANGA	39.00	4.0000	34	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
085	JACKSON GODLOVE SWALO	38.00	4.0000	34	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
086	JOHNSON ELIA MBILINYI	38.00	4.0000	34	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
087	BARAKA JOSEPH MBANGALA	37.00	4.0000	34	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
088		37.00	4.0000	34	0	////////
089	AGREY DANIEL TANDIKA	36.00	4.0000	34	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
090	GIVEN LUPYANA MTWEVE	35.00	4.0000	34	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
091	BRIGHT JIDAH SOSPETER	34.00	4.0000	34	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
092	YOSHUA EZEKIEL HONGOLI	34.00	4.0000	34	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
093		33.00	4.0000	34	0	////////
094	ERICK DANIEL AUGUSTINO	32.00	4.0000	34	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
095	HISAN KASIM KIBASA	32.00	4.0000	34	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
096		32.00	4.0000	34	0	////////
097	FRAVIAN MENRUFU KADUMA	30.00	4.0000	34	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - D, BIB - x, HISTORY - x.
098	JACKSON PETRO MGAYA	29.00	5.0000	35	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - F, BIB - x, HISTORY - x.
099	AELIANUS CREDIANUS MGIMBA	28.00	5.0000	35	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - F, BIB - x, HISTORY - x.
100	ELVIS GODWIN MALEGESI	28.00	5.0000	35	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - F, BIB - x, HISTORY - x.
101	EDIGHA SOLANUS MGAYA	25.00	5.0000	35	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - F, BIB - x, HISTORY - x.
102	EMMANUEL DISMAS MAHWAZA	25.00	5.0000	35	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - F, BIB - x, HISTORY - x.
103	YUAN IPYANA MWAKAMBO	24.00	5.0000	35	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - F, BIB - x, HISTORY - x.
104	FRANCO JOSEPH MBILIKILA	22.00	5.0000	35	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - F, BIB - x, HISTORY - x.
105		22.00	5.0000	35	0	////////
106	GIDEON FORTUNATUS MTEWELE	21.00	5.0000	35	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - F, BIB - x, HISTORY - x.

107	DERICK MICHAEL NAPIO	20.00	5.0000	35	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - F, BIB - x, HISTORY - x.
108	HUSSEIN SADIKI MATOFALI	18.00	5.0000	35	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - F, BIB - x, HISTORY - x.
109	JOHNSON SIMON SANGA	18.00	5.0000	35	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - F, BIB - x, HISTORY - x.
110	ERTONY ENOCK CHONGOLO	17.00	5.0000	35	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - F, BIB - x, HISTORY - x.
111	FADHILI FURAHA MBOGELA	17.00	5.0000	35	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - F, BIB - x, HISTORY - x.
112	GEOFFREY PAUL CHOMBO	17.00	5.0000	35	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - F, BIB - x, HISTORY - x.
113	DERICK MBILIZEE PASCHAL	16.00	5.0000	35	0	BUS - x, HST - x, GEO - x, KIS - x, ENG - x, PHY - x, CHE - x, BIO - x, MAT - F, BIB - x, HISTORY - x.